

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 03/2019/HNGĐ-PT**

**Ngày: 22/01/2019**

**V/v: "Xin ly hôn"**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: 1- Ông Võ Thanh Huyền

2- Bà Trần Thị Trâm Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2018/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về “xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 180/2018/HNGĐ-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2019/QĐ-PT ngày 11/01/2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** anh Ong Tý L, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị đơn:** chị Huỳnh Thị C, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

**- Người kháng cáo:** Nguyên đơn Ong Tý L.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Anh Ong Tý L trình bày: Anh và chị Huỳnh Thị C sống chung với nhau từ năm 1997, tuy nhiên đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chị C cũng không có lỗi làm gì lớn, chỉ có những việc nhỏ như những người bạn của anh mời đám tiệc nhưng chị C không thông báo lại nên anh cảm thấy ngại ngùng với bạn bè và từ đó phát sinh mâu thuẫn. Nay anh xin được ly hôn với chị C để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Ong Huỳnh Linh V, sinh năm 2001 và Ong Huỳnh Lưu S, sinh năm 2005. Khi ly hôn, nếu các con ở với anh thì anh sẽ nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng, nếu chị C nuôi con thì anh sẽ cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000đồng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Chị Huỳnh Thị C trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh L về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và con chung. Vợ chồng sống chung đã hơn 20 năm, các con đã lớn, chị vẫn tận tụy lo cho gia đình và yêu thương chồng con. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì, thời gian gần đây anh L thường xuyên điện thoại cho người phụ nữ khác, hay uống rượu qua đêm và yêu cầu xin ly hôn với chị. Do đó chị không đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Ong Huỳnh Linh V, sinh năm 2001 và Ong Huỳnh Lưu S, sinh năm 2005. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì các con ở với ai người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại bản án sơ thẩm số 180/2018/HNGĐ-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ong Tý L về việc xin ly hôn với chị Huỳnh Thị C.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

\* Ngày 22/10/2018 anh L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho anh L được ly hôn với chị C để có cuộc sống mới.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu được ly hôn với chị C vì vợ chồng đã mâu thuẫn thời gian dài, anh ly hôn để có cuộc sống mới.

Còn chị C yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, chị yêu thương chồng con nên không đồng ý ly hôn với anh L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân giữa anh Ong Tỷ L và chị Huỳnh Thị C đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/12/2002 theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh L yêu cầu được ly hôn với chị C, Hội đồng xét xử xét thấy anh L và chị C sống chung với nhau từ năm 1997. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung và cùng nhau tạo lập được tài sản, xây dựng cuộc sống gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, anh L xác định vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, chị C cũng không có lỗi lầm gì lớn, chỉ có những việc nhỏ như những người bạn của anh mời đám tiệc nhưng chị C không thông báo lại nên anh cảm thấy ngại ngùng với bạn bè (bút lục 12, 36); còn chị C vẫn tận tụy lo cho gia đình và yêu thương chồng con. Tại biên bản xác minh ngày 20/9/2018, bà Huỳnh Thị M là phó ban lãnh đạo ấp xác định vợ chồng anh L, chị C không có cãi nhau hay mâu thuẫn gì, cuộc

sống gia đình đầm ấm, các con đi học đầy đủ, chị C rất hiền lành, chăm lo cho chồng con (bút lục 20). Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định, khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa anh L và chị C không có mâu thuẫn lớn, chưa lâm vào tình trạng trầm trọng, do đó trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để cho anh L ly hôn với chị C.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ngoài ra, do yêu cầu xin ly hôn của anh L không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét về quan hệ con chung.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh L, cần thiết giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Anh L phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Ong Tý L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 180/2018/HNGĐ-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện K.

1 - Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ong Tý L về việc xin ly hôn với chị Huỳnh Thị C.

2- Về án phí: Anh L phải chịu án phí xin ly hôn không được chấp nhận là 300.000đồng và án phí phúc thẩm là 300.000đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001932 ngày 19/7/2018 và biên lai số 0007651 ngày 23/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi Nhận:**

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện K;
- THA dân sự huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Nhiên**